

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia và bà Bé Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T12, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Duy C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T12, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Trần Duy C kết hôn vào ngày 25/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn giữa chị và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi đăng ký kết hôn chị và anh C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng kể từ ngày 26/02/2014 âm lịch. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trần Duy C thường xuyên uống rượu, đánh bạc, chửi bới, la lối làm ảnh hưởng đến gia đình và làng xóm. Chị cũng đã cố gắng động

viên, khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị và anh C không còn quan tâm, yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Duy C.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trần Duy C có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 19/10/2015. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu X và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hồng khai Chị và anh C không có nghĩa vụ chung về tài sản với người khác và không yêu cầu phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2020, anh Trần Duy C trình bày: Anh C và chị H tự nguyện kết hôn vào ngày 25/9/2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị H làm đơn ly hôn. Tuy nhiên theo anh C những mâu thuẫn giữa anh và chị H không đến mức phải ly hôn. Do vậy, anh C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh C thừa nhận anh và chị Hồng có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 19/10/2015. Do không đồng ý ly hôn nên anh C không có yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa thể hiện:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Trần Duy C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án phải xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Cho chị H được ly hôn với anh Trần Duy C. Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi con là cháu X, sinh ngày 19/10/2015. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung với anh Trần Duy C, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn T12, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Trong vụ án này, bị đơn Trần Duy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đã đủ cơ sở kết luận: Chị Lê Thị H và anh Trần Duy C kết hôn vào ngày 25 tháng 9 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị H và anh C là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H: Chị H cho rằng lý do mà chị yêu cầu ly hôn với anh C là vì anh C thường xuyên uống rượu, đánh bạc, chửi bới, la lối làm ảnh hưởng đến gia đình và làng xóm, chị cũng đã cố gắng động viên, khuyên nhủ nhưng anh C không thay đổi. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Lời khai của anh C thể hiện mặc dù giữa anh và chị H phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét lời khai của chị H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là phù hợp với nội dung đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của chị H được Trưởng thôn T2, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai xác nhận vào ngày 18/3/2020. Mặt khác, đối với anh Trần Duy C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh C không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc hòa giải để tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Trần Duy C.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh C có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 19/10/2015, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện tại chị H đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu X là phù

hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Trần Duy C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Trần Duy C.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung là cháu X, sinh ngày 19/10/2015, khi cháu X chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Trần Duy C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004302 ngày 17 tháng

3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Duy C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (26/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A
(để thi hành khi có hiệu lực);
- UBND xã T, thị xã A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bé Thị Bay

Bùi Tư Hải

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- ## Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bé Thị Bay

Bùi Tư Hải

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- ## Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

7

